

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 279/QĐ-BNNMT ngày 12/3/2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 4619/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước Khe Mai tại xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Số 2183/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 về Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy nước Khe Mai tại xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (nay là Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh) (điều chỉnh lần thứ nhất); các Quyết định của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh:

số 354/QĐ-BQLKKT ngày 01/12/2023 Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (điều chỉnh lần thứ hai); số 348/QĐ-BQLKKT ngày 30/10/2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (điều chỉnh lần thứ 03);

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-BQLKKT ngày 28/02/2020 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Khe Mai tại xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (nay là Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh);

Căn cứ Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy nước Khe Mai tại xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (nay là Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh) của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh;

Xét các văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh số 386/CV-CTN ngày 27/02/2025, số 988/VC-CTN ngày 05/5/2025, số 1767/CTN-CLN ngày 01/7/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 358/TTr-SNN&MT ngày 07/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh, địa chỉ tại số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy nước Khe Mai tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Dự án đầu tư: Nhà máy nước Khe Mai tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Mã số doanh nghiệp: 5700100104 lần đầu ngày 25/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 5700100104.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Diện tích của Dự án: 6.600 m².

- Dự án có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo quy

định tại Khoản 2 Điều 11 Luật đầu tư công năm 2024).

- Dự án là dự án nhóm II theo quy định tại số thứ tự thứ 9 mục III phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nay là Dự án nhóm III theo quy định tại số thứ tự thứ 2, mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô công suất: 6.000 m³/ngày đêm.

(Chi tiết thể hiện tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án được các cơ quan có liên quan phê duyệt theo thẩm quyền).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban

quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, UBND đặc khu Vân Đồn nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, UBND đặc khu Vân Đồn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 28./..../2035), nhưng không vượt thời hạn hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật.

Giấy phép này chỉ thực hiện cấp cho phép đơn vị được xả các chất thải (như: nước thải, tiếng ồn, độ rung...) trong quá trình hoạt động của cơ sở đã được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành ra ngoài môi trường; không điều chỉnh, thay đổi các nội dung trong quyết định chủ trương đầu tư, quy hoạch dự án đã được phê duyệt theo thẩm quyền.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND đặc khu Vân Đồn và các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

- UBND đặc khu Vân Đồn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án và giám sát quá trình triển khai hoạt động dự án đảm bảo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Chủ tịch UBND đặc khu Vân Đồn; Giám đốc Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Các sở: XD, KHCN;
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công TTĐT Sở NN&MT (đăng tải);
 - Phòng HC-TC-TV (theo dõi, tổng hợp);
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 180

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nghiêm Xuân Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2633 /GPMT-UBND ngày 08 / 7 /2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen từ xí tiểu bồn cầu) từ nhà vệ sinh khu vực nhà quản lý.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám từ chậu rửa, thoát sàn) từ nhà vệ sinh khu vực nhà quản lý.
- Nguồn số 03: Nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước chung B800 của khu vực dọc theo tuyến đường giao thông chính tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là vùng biển ven bờ Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Tọa độ: X = 2335400; Y = 465665.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $251,35 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Trong đó:

- Dòng thải số 01 (gồm nguồn số 01 và 02): $0,15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Dòng thải số 02 (nguồn số 03): $251,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sau xử lý từ ngăn khử trùng sẽ tự chảy theo đường ống PVC D110 sau đó chảy vào công thoát nước D600 rồi chảy ra công thoát nước chung B800 của khu vực dọc theo tuyến đường giao thông chính tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh sau đó tự chảy ra biển ven bờ.

- Dòng thải số 02: Nước thải sau xử lý từ sân phơi bùn chỉ xả thải khi mở van cửa phai tại hồ thu nước sau xử lý từ sân phơi bùn sẽ tự chảy theo ống PVC D160 vào công thoát nước D600 rồi chảy ra công thoát nước chung B800 của khu vực dọc theo tuyến đường giao thông chính tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh sau đó tự chảy ra biển ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả mặt; Nước thải sinh hoạt xả liên tục, Nước thải công nghiệp xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải

đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Chất lượng nước của Dòng số 01 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	-		
	TOC	mg/l	-		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Tổng Nitơ	mg/l	-		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	12		
10	Tổng photpho	mg/l	-		
11	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
12	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
13	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
14	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú:

(1) "-": Không quy định.

(2) Tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng COD hoặc TOC.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì cơ sở thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

- Chất lượng nước của Dòng số 02 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCDP 03:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Cột B, $K_q = 1,3$, $K_f = 1,1$, $K_{QN} = 1$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCDP 03:2020/QN	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)
1	TSS	mg/l	143	Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ	
2	COD	mg/l	214,5		
3	BOD ₅	mg/l	71,5		
4	As	mg/l	0,143		
5	Mn	mg/l	1,43		
6	Fe	mg/l	7,15		

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì cơ sở thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải xí tiêu → ống PVC D110 → bể tự hoại 5 ngăn → ngăn khử trùng → ống PVC D110 → cống D600 → cống thoát nước chung B800 dọc theo tuyến đường giao thông chính tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh → biển ven bờ.

- Nguồn số 02: Nước thải lavabo, thoát sàn → ống PVC D110 → ngăn khử trùng → ống PVC D110 → cống D600 → cống thoát nước chung B800 dọc theo tuyến đường giao thông chính tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh → biển ven bờ.

- Nguồn số 03: (Nước thải từ quá trình súc rửa vật liệu lọc tại bể lọc → ống D300 → bể thu hồi → ống DN200) và (nước thải từ quá trình súc rửa tại bể lắng lamen → ống D300) → sân phơi bùn (một phần nước tuần hoàn được bơm về bể trộn bằng ống DN100).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 5 ngăn

- Số lượng: 01 bể.
- Vị trí: Xây ngầm tại nhà quản lý.
- Dung tích: 07 m^3 .
- Quy trình vận hành: Nước thải xí tiểu, bồn cầu → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → ngăn lắng 1,2,3,4 (lắng và phân hủy khí) → ngăn khử trùng → thải ra nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học bổ sung 03 tháng/lần vào ngăn chứa; viên nén khử trùng TCCA bổ sung 02 tuần/lần vào ngăn khử trùng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

1.2.2. Bể thu hồi

- Vị trí: Đặt bán ngầm tại khu vực phía Đông Bắc dự án gần sân phơi bùn.
- Số lượng: 02 bể.
- Quy trình vận hành: Nước thải từ quá trình súc rửa vật liệu lọc tại bể lọc → ống D300 → bể thu hồi → bơm chìm công suất $60 \text{ m}^3/\text{h}$ → ống DN200 → sân phơi bùn.

+ Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.3. Sân phơi bùn

- Vị trí: Đặt nổi tại khu vực phía Đông dự án.
- Số lượng: 02 ngăn
- Quy trình vận hành: Nước thải từ bể thu hồi và nước thải từ quá trình súc rửa tại bể lắng lamen → sân phơi bùn ngăn số 01 (Mức nước trong bể đạt $0,95\text{m}$) → đóng van cấp bùn vào ngăn số 01 → sân phơi bùn ngăn số 02 → cửa phai → hố thu có van đóng mở cánh phai và bơm tuần hoàn công suất $48 \text{ m}^3/\text{h}$ → một phần nước tuần hoàn được bơm về bể trộn bằng ống DN100 và lượng nước còn lại sau khi mở van cửa phai tại hố thu sẽ tự chảy ống PVC D160 → cống D600 → cống thoát nước chung B800 dọc theo tuyến đường giao thông chính tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh → Vùng biển ven bờ khu vực đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Bùn thải: Dừng hoạt động của ngăn phơi bùn và xúc bùn vận chuyển đi khi bùn khô tại các ngăn phơi đạt cao trình $+0,95\text{m}$ (tính từ lớp cát lọc).

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các công trình xử lý nước cấp theo đúng quy trình kỹ thuật đã được duyệt, đảm bảo quy trình vận hành các khâu đúng kỹ thuật, đảm bảo định mức hóa chất, phù hợp với công suất thiết kế của nhà máy.

- Sự cố nước thải không đạt quy chuẩn cho phép:

+ Bổ sung chế phẩm vi sinh vào ngăn chứa và viên nén khử trùng TCCA vào ngăn khử trùng định kỳ để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt tại bể tự hoại 5 ngăn.

+ Kiểm tra đường ống, bơm để kịp thời phát hiện sự cố nứt vỡ, rò rỉ, tắc nghẽn bơm. Khi xảy ra sự cố cần tiến hành sửa chữa và khắc phục ngay.

+ Bố trí cán bộ giám sát hoạt động và vận hành bể thu hồi và sân phơi bùn theo đúng quy trình để đảm bảo hiệu quả xử lý.

+ Theo dõi hiệu quả lọc tại sân phơi bùn để thay thế lớp vật liệu lọc kịp thời đảm bảo hiệu quả xử lý của sân phơi bùn.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình vận hành của máy móc, thiết bị trong hệ thống và định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

- Lập và thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường trong trường hợp trạm xảy ra sự cố, chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.

- Thường xuyên tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về quy trình vận hành, phòng ngừa ứng phó sự cố các công trình xử lý nước thải, đặc biệt trong mùa mưa.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 02 tháng (thời gian vận hành bắt đầu sau khi được cấp giấy phép môi trường).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Sân phơi bùn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại vị trí bể thu hồi.

- Nước thải đầu ra tại vị trí đầu nối với Cống thoát nước chung B800 của khu vực dọc theo tuyến đường giao thông chính tại thôn Khe Mai, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Kế hoạch quan trắc	Các thông số quan trắc	Vị trí quan trắc	Tần suất	Số lượng, loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
Giai đoạn vận hành ổn định	TSS, BOD ₅ , COD, As, Fe, Mn	Đầu vào: tại bể thu hồi	01 mẫu x 1 ngày liên tiếp	03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra)	QCDP 03:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh
		Đầu ra: Tại vị trí đầu nối với cống thoát nước chung	01 mẫu x 3 ngày liên tiếp		

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải ra môi trường có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Phải gắn biển báo tại điểm xả nước thải (phải có tọa độ, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh có trách nhiệm lập quy trình ứng phó sự cố môi trường theo nội dung đã nêu cụ thể tại hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành dự án.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các công trình xử lý nước thải của Dự án./.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2633 /GPMT-UBND ngày 08 / 7 /2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của các máy bơm.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Nhà chứa máy bơm. Tọa độ: X= 2335396; Y= 465689.
- Nguồn số 02: Nhà chứa máy phát điện. Tọa độ: X= 2335433; Y= 465685.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 26:2025/BTNMT		
Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)	Từ 6h đến trước 18h (dBA)	Từ 18h đến trước 22h (dBA)	Từ 22h đến trước 6h (dBA)
70	55	70	65	60
Khu vực thông thường		Khu vực E		

3.2. Độ rung:

QCVN 27:2010/BTNMT		QCVN 27:2025/BTNMT	
Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)	Từ 6h đến trước 22h (dBA)	Từ 22h đến trước 6h (dBA)
70	55	75	70
Khu vực thông thường		Khu vực D	

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trồng và chăm sóc cây xanh để tạo cảnh quan, điều hòa vi khí hậu và giảm thiểu tiếng ồn.
- Bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý nước cấp.
- Kiểm tra, bảo dưỡng định kì để đảm bảo máy phát điện luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, kịp thời thay thế khi thiết bị bị hỏng hóc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2633** /GPMT-UBND ngày **08** /**7** /2025
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Rắn	20
2.	Pin và ắc quy khác	19 06 05	Rắn	5
3.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	10
4.	Bình chứa áp suất thải chưa đảm bảo rỗng hoàn toàn	19 05 01	Rắn	50
	Tổng			85

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải, bùn từ bể tự hoại	12 06 13	42
2	Bùn thải xử lý nước cấp	12 10 02	76.500
3	Bao bì đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH	18 01 10	30
	Tổng		76.572

1.3. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: Khoảng 650 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1.	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	100

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
2.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10
3.	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm có các thành phần nguy hại	19 05 02	Lỏng	30
	Tổng			140

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho chất thải nguy hại diện tích 7,5m².

2.2. Hệ thống công trình lưu giữ chất thải thông thường:

- Bùn thải được lưu chứa tại sân phơi bùn (Bùn thải tại các ngăn phơi bùn được thu gom và vận chuyển đi khi bùn khô tại các ngăn này đạt cao trình +0,95m (tính từ lớp cát lọc)).

- Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 7,5m².

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đầu tư lắp đặt hệ thống phát hiện và hệ thống xử lý khí clo để phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí clo tại Dự án. Kiểm tra thường xuyên tại khu vực nhà chứa bình clo, các đường ống van dẫn... để kịp thời phát hiện và xử lý khi xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ khí clo bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát; phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2633** /GPMT-UBND ngày **08** / **7** /2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

3. Vận hành thường xuyên các công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình để thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành. Chỉ được phép xả nước thải sau xử lý với lưu lượng tối đa 251,35 m³/ngày đêm.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả tái sử dụng; Quản lý thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Dự án cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày đảm bảo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ dự án phải dừng ngay hoạt động phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND đặc khu Vân Đồn để được hướng dẫn giải quyết.

7. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.